

CỤC THỐNG KÊ
THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 193 /BC-TKTH

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 08 năm 2026

Chuyên đề:

**KINH TẾ NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TỈNH BẮC NINH
GIAI ĐOẠN 2021-2025 - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

Nơi nhận:

- Ban TKTH và ĐN, CTK (b/c);
- Lãnh đạo TKT;
- Lưu: VT, TH.



Đồng Văn Sủng

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BN	Bắc Ninh
CNC	Công nghệ cao
CN-XD	Công nghiệp - Xây dựng
CTKBN	Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh
DN	Doanh nghiệp
DNTN	Doanh nghiệp Tư nhân
DV	Dịch vụ
FDI	<i>Foreign Direct Investment</i> Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	<i>Gross Domestic Product</i> Tổng sản phẩm trong nước
GO	<i>Gross Output</i>
GTSX	Giá trị sản xuất
GRDP	<i>Gross Regional Domestic Product</i> Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (thành phố)
HĐND	Hội đồng Nhân dân
HTX	Hợp tác xã
KCN	Khu công nghiệp
KH	Kế hoạch
KHCN	Khoa học và Công nghệ
KHKT	Khoa học - Kỹ thuật
KT-XH	Kinh tế - Xã hội
MTQG	Mục tiêu Quốc gia
NGTK	Niên giám Thống kê
NLTS	Nông, lâm nghiệp và thủy sản
OCOP	<i>One commune, one product</i> Mỗi xã, phường một sản phẩm
PTNT	Phát triển Nông thôn
QĐ	Quyết định
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TU	Tỉnh ủy
UBND	Ủy ban Nhân dân
VP	Văn phòng
VSIC	<i>Vietnam Standard Industrial Classification</i> Ngành kinh tế Việt Nam

MỤC LỤC

I. ĐẶT VẤN ĐỀ	3
II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	4
III. KẾT QUẢ VỀ KINH TẾ NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN GIAI ĐOẠN 2021 -2025	6
1. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025	6
2. Thực trạng phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025.....	12
2.1. Tình hình chung	12
2.2. Tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2021-2025	14
2.3. Giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản.....	23
IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	24
1. Định hướng và giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030	25
1.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển kinh tế ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030	25
1.1.1. Dự báo bối cảnh và tình hình phát triển kinh tế ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh.....	25
1.1.2. Quan điểm về phát triển kinh tế ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030	27
1.2. Mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp giai đoạn 2026-2030.....	28
2. Đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh thời gian tới.....	30
2.1. Nhóm giải pháp về quy hoạch, đất đai	30
2.2. Nhóm giải pháp về tổ chức sản xuất, kinh doanh.....	31
2.3. Nhóm giải pháp về khoa học, công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thực hiện phát triển kinh tế ngành nông nghiệp	31
2.4. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách	32
2.5. Nhóm giải pháp về phát triển thị trường và xúc tiến thương mại	33

2.6. Nhóm giải pháp về công tác thông tin, tuyên truyền	35
3. Một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh thời gian tới.....	35
3.1. Khuyến nghị đối với Chính Phủ.....	35
3.2. Kiến nghị đối với Bộ Nông nghiệp và Môi trường	36
4. Kết luận	36

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sản xuất nông nghiệp đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong cấu trúc kinh tế, là "trụ đỡ" đảm bảo vững chắc an ninh lương thực trên địa bàn, đặc biệt trong những giai đoạn khó khăn như thời điểm bùng phát dịch bệnh COVID-19. Giai đoạn 2021–2025, ngành nông nghiệp triển khai thực hiện nhiệm vụ trong bối cảnh chịu tác động từ quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ làm diện tích đất nông nghiệp tiếp tục thu hẹp nhanh chóng. Bên cạnh đó, tác động của biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, gia tăng tần suất thiên tai; nguy cơ dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và con người diễn biến khó lường; áp lực lạm phát đẩy giá vật tư, giống, thức ăn chăn nuôi biến động mạnh; giá nông sản bấp bênh cùng hệ lụy kéo dài từ đại dịch COVID-19 đã gây gián đoạn lưu thông hàng hóa và đứt gãy một số chuỗi cung ứng nông sản.

Đặc biệt, đây cũng là giai đoạn chuyển giao lịch sử khi triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về việc hợp nhất hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang thành đơn vị hành chính mới. Quá trình sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức và đồng bộ hóa các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội giữa hai địa bàn đặt ra không ít khó khăn, thách thức cho công tác quản lý và định hướng sản xuất.

Mặc dù đối mặt với nhiều bất lợi, ngành nông nghiệp vẫn nhận được sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành, địa phương cùng tinh thần đoàn kết, nỗ lực thi đua của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong ngành từ tỉnh đến cơ sở. Sự đồng lòng triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm đã góp phần quan trọng vào việc hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 được đề ra tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Bắc Giang (cũ) và Nghị quyết số 306/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh Bắc Ninh (cũ), tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển nông nghiệp toàn diện, hiện đại trên không gian địa lý mới sau hợp nhất.

Bám sát định hướng phát triển của cả hai địa phương trước hợp nhất, ngành nông nghiệp tập trung tạo bước chuyển biến mạnh mẽ theo hướng hiện đại và bền vững. Trọng tâm là phát triển nền nông nghiệp chuyên canh, tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học và thân thiện với môi trường, hướng tới mục tiêu xây dựng địa bàn trở thành trung tâm nông nghiệp hàng hóa trọng điểm của khu vực phía Bắc. Tỉnh thực hiện khoanh vùng các khu vực sản xuất lâu dài nhằm bảo vệ quỹ đất, làm cơ sở đẩy mạnh tập trung đất đai

và phát triển kinh tế trang trại, vùng chăn nuôi, vùng nuôi cá thâm canh an toàn theo mô hình khép kín. Đồng thời, hình thức tổ chức sản xuất được đổi mới sâu sắc thông qua việc phát triển các doanh nghiệp, hợp tác xã và tăng cường liên kết chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ, phục vụ xuất khẩu. Song song với đó, các nguồn lực được huy động tối đa để duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu gắn liền với quá trình đô thị hóa.

Kết quả phân tích, đánh giá toàn diện tình hình kinh tế - xã hội nói chung và ngành nông nghiệp nói riêng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 một lần nữa khẳng định quan điểm chỉ đạo của Đảng: *"Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, là trụ đỡ của nền kinh tế"*. Trong bối cảnh tỉnh Bắc Ninh đang quyết liệt chuẩn bị các điều kiện để trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào tháng 9 năm 2026, việc rà soát thực trạng phát triển là tiền đề cấp thiết. Đây sẽ là cơ sở khoa học và thực tiễn quan trọng phục vụ công tác xây dựng, điều chỉnh các cơ chế, chính sách thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển bứt phá. Đồng thời, việc nghiên cứu này trực tiếp góp phần cụ thể hóa và thực hiện thắng lợi mục tiêu *"Phát triển nông nghiệp, nông thôn theo chiều sâu, bền vững"* mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đã đề ra.

Xuất phát từ yêu cầu cấp thiết đó, chuyên đề “Kinh tế nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025: Thực trạng và giải pháp” được thực hiện nhằm đánh giá sâu sắc những thành tựu, nhận diện rõ hạn chế, từ đó đề xuất hệ thống giải pháp khả thi, góp phần hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược về phát triển kinh tế nông nghiệp của tỉnh trong thời kỳ mới.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Qua kết quả các cuộc điều tra ban hành theo các Quyết định 1219/QĐ-CTK ngày 23/10/2023 của Cục trưởng Cục Thống kê về Phương án điều tra Diện tích cây nông nghiệp; Quyết định 1221/QĐ-CTK ngày 23/10/2023 của Cục trưởng Cục Thống kê về Phương án điều tra năng suất, sản lượng cây nông nghiệp; Quyết định số 1220/QĐ-CTK ngày 23/10/2023 của Cục trưởng Cục Thống kê về Phương án điều tra thủy sản; Quyết định số 1223/QĐ-CTK ngày 23/10/2023 của Cục trưởng Cục Thống kê về Phương án điều tra Chăn nuôi; Quyết định số 1222/QĐ-CTK ngày 23/10/2023 của Cục trưởng Cục Thống kê về Phương án điều tra Lâm nghiệp.

Sử dụng phương pháp dãy số thời gian để phân tích, đánh giá tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thông qua tính các chỉ tiêu như: mức độ bình quân theo thời gian, lượng tăng (giảm) tuyệt đối, tốc độ phát triển, tốc độ tăng (giảm). Từ việc phân tích các chỉ tiêu trên qua thời gian, có thể đánh giá hiệu quả sản xuất ngành nông nghiệp thời gian sau so với thời gian trước tăng hay giảm với giá trị tuyệt đối là bao nhiêu? Tăng (giảm) bao nhiêu lần, bao nhiêu phần trăm so với các năm trước? Từ đó xác định các nguyên nhân gây ra sự tăng, giảm đó để có những biện pháp, giải pháp kiến nghị phù hợp.

Sử dụng chỉ số thống kê là phương pháp phân tích quan trọng của thống kê học dùng để phân tích ảnh hưởng của các nhân tố cấu thành đối với một hiện tượng phức tạp. Chỉ số thống kê là số tương đối phản ánh quan hệ so sánh giữa hai mức độ nào đó của cùng một hiện tượng nghiên cứu; hai mức độ đó có thể khác nhau về thời gian, không gian hoặc là giá trị thực tế so với kế hoạch mục tiêu. Chỉ số có tác dụng quan trọng trong đời sống kinh tế xã hội: phản ánh biến động của các hiện tượng kinh tế - xã hội theo thời gian, theo không gian; đo lường biến động giữa các chỉ tiêu; xác định mức độ ảnh hưởng của biến động một nhân tố đến các nhân tố khác; kiểm định ý nghĩa của các chỉ tiêu kinh tế xã hội vĩ mô từ số liệu thống kê thực tế.

Hệ thống chỉ số là dãy các chỉ tiêu có liên hệ với nhau hợp thành một đẳng thức. Cơ sở để hình thành hệ thống chỉ số là mối liên hệ thực tế giữa các chỉ tiêu, thường có quan hệ tích số. Hệ thống chỉ số được vận dụng đối với các chỉ tiêu có mối quan hệ với nhau và có tác dụng: Phân tích vai trò và mức ảnh hưởng của các nhân tố cấu thành hiện tượng chung. Mức ảnh hưởng của từng nhân tố có thể được biểu hiện bằng số tương đối hoặc số tuyệt đối. Tính các chỉ số chưa biết khi đã biết các chỉ số còn lại trong hệ thống. Phân tích tình hình sản xuất nông nghiệp, có thể sử dụng nhiều hệ thống chỉ số khác nhau như: hệ thống chỉ số bình quân, hệ thống chỉ số tổng hợp. Việc phân tích bằng hệ thống chỉ số, cho phép xác định các nhân tố cấu thành ảnh hưởng sản xuất nông nghiệp như thế nào? Nhân tố nào gây ra biến động tích cực, biến động tiêu cực; nhân tố ảnh hưởng chủ yếu tới sự thay đổi của hiệu quả? Từ đó có những biện pháp, giải pháp kiến nghị phù hợp.

III. KẾT QUẢ VỀ KINH TẾ NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN GIAI ĐOẠN 2021 -2025

1. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025

Ngay khi thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025, trong bối cảnh chung của cả nước - kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19. Từ năm 2022, kinh tế đã có dấu hiệu phục hồi sau ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhưng lại tiếp tục hứng chịu những khó khăn do xung đột quân sự Nga - Ukraine, căng thẳng chính trị giữa các nước lớn; giá nguyên liệu đầu vào, nhất là năng lượng và thực phẩm tăng cao, lạm phát leo thang và lãi suất tăng mạnh,... đã làm gia tăng chi phí sản xuất cho nhiều ngành. Những tác động đã làm gia tăng mức độ khó khăn, đặt ra những thách thức cần phải giải quyết để đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế của tỉnh đã đề ra.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã nỗ lực chỉ đạo và điều hành linh hoạt nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, đã tạo niềm tin và phát huy hiệu quả. Bên cạnh đó, dịch Covid-19 được kiểm soát, hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ dần được phục hồi nhanh, quy mô kinh tế tiếp tục được mở rộng và phát triển. Quy mô GRDP (giá hiện hành) năm 2021 đạt 362,5 nghìn tỷ đồng, năm 2023 đạt 422,8 nghìn tỷ đồng, năm 2025 ước đạt 522,6 nghìn tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người năm 2021 đạt 4.713,5 USD; năm 2022 đạt 4.926,2 USD; năm 2025 ước đạt 5.852 USD gấp 1,16 lần bình quân cả nước; Năm 2021, tốc độ tăng trưởng tăng 8,01%; năm 2025 tăng 10,27%. Cơ cấu kinh tế được chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng - dịch vụ. Những khó khăn từ cuối năm 2022 kéo dài và ảnh hưởng sang năm 2023 đã tác động làm kinh tế tăng trưởng chậm lại còn 4,98% so với năm 2022. Tính chung 5 năm (2021-2025), kinh tế Bắc Ninh tăng 8,9%/năm. Tình hình cụ thể ở các ngành, lĩnh vực như sau:

Sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn: Trong hơn 5 năm, Tỉnh ủy hai tỉnh đã ban hành nhiều nghị quyết, chương trình hành động nhằm hỗ trợ phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn, như: Nghị quyết số 45/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 ban hành quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động Khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 ban hành quy định hỗ trợ về phát triển nông nghiệp, chương trình OCOP, ngành nghề nông thôn và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thay thế Nghị

quyết số: 07/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 07 năm 2022; Chương trình hành động số 41-CTr/TU, ngày 25/11/2022 thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Trong 5 năm qua, hai địa phương đã xây dựng và hoàn thiện hàng trăm sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP (mỗi xã một sản phẩm), tích cực phát triển các mô hình OCOP gắn với du lịch sinh thái, trải nghiệm; đồng thời duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động của hàng trăm làng nghề truyền thống, kinh tế tập thể và hợp tác xã. Bên cạnh đó, các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng kết hợp nuôi trồng thủy sản mang lại hiệu quả kinh tế cao được mở rộng; hệ thống chăn nuôi trang trại tập trung, ứng dụng công nghệ cao ngoài khu dân cư tiếp tục được duy trì và phát triển ổn định.

Chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được cấp ủy, chính quyền hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang tập trung chỉ đạo, đẩy mạnh triển khai sâu rộng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy hai tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, kết luận và bộ tiêu chí cụ thể về nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Đến nay, 100% các xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn hai tỉnh tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí; nhiều xã đã hoàn thành và được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Hạ tầng sinh hoạt nông thôn được cải thiện rõ rệt, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch và nước hợp vệ sinh đạt mức tối đa.

Sản xuất công nghiệp: Hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang (cũ) tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để duy trì và phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Công nghiệp phát triển nhanh cả về không gian, quy mô và trình độ công nghệ, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Năm 2025, giá trị tổng sản phẩm ngành công nghiệp (giá hiện hành) ước đạt 351,6 nghìn tỷ đồng, tăng 49,1% so với năm 2021. Trong cơ cấu kinh tế, ngành công nghiệp tiếp tục giữ vai trò động lực tăng trưởng cốt lõi (năm 2021 ngành công nghiệp chiếm 65,1% tăng lên là 67,3% năm 2025); công nghiệp điện tử và công nghệ cao trở thành ngành mũi nhọn, đưa vùng Bắc Ninh - Bắc Giang trở thành trung tâm công nghiệp điện tử, công nghệ cao hàng đầu của cả nước. Bên cạnh đó, công nghiệp hỗ trợ từng bước phát triển gắn liền với hệ thống các khu, cụm công nghiệp được đầu tư hạ tầng đồng bộ và nâng cao tỷ lệ lấp đầy.

Vùng đã thu hút thành công nhiều tập đoàn, nhà đầu tư lớn quốc tế (*như Amkor Technology, Goertek Vina, Foxconn, Luxshare, Samsung, JA Solar...*), đồng thời đẩy mạnh đầu tư hạ tầng giao thông kết nối liên khu vực. Mặc dù chịu ảnh hưởng từ những biến động của kinh tế toàn cầu và hậu quả đại dịch COVID-19 khiến tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp năm 2023 sụt giảm (chỉ đạt 5,14%) và chỉ số sản xuất công nghiệp giảm 0,91% làm ngắt quãng chuỗi tăng trưởng hai chữ số của giai đoạn 2021-2025, nhưng nền tảng sản xuất và hạ tầng công nghiệp của hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang vẫn được duy trì vững chắc. Đây là cơ sở quan trọng tạo động lực cho sự phục hồi và bứt phá mạnh mẽ trong giai đoạn tiếp theo.

Các ngành thương mại - dịch vụ: Hoạt động thương mại - dịch vụ phục hồi mạnh mẽ sau dịch bệnh Covid-19, tiếp tục mở rộng về quy mô, chuyển dịch theo hướng văn minh, hiện đại. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2021 đạt 88,5 nghìn tỷ đồng, năm 2023 đạt 120,3 nghìn tỷ đồng, năm 2025 ước đạt 167,2 nghìn tỷ đồng, bình quân giai đoạn 2021-2025 tăng 16,6%. Giá cả hàng hóa tương đối ổn định, lạm phát hàng năm được kiểm soát thấp hơn mục tiêu đề ra. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 tăng 2,84% so với năm 2024. Lạm phát cơ bản bình quân được kiểm soát tốt qua các năm và giữ ở mức tương đối ổn định. Bên cạnh việc hiện đại hóa hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, chuỗi cửa hàng tiện lợi và hạ tầng thương mại điện tử, các chợ truyền thống tại hai tỉnh cũng từng bước được nâng cấp, góp phần đảm bảo cân đối cung - cầu, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và tiêu dùng ngày càng cao của người dân cùng lực lượng lao động, chuyên gia sinh sống, làm việc trên địa bàn. Bắc Ninh là một trong hai địa phương dẫn đầu cả nước về tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu, ước đạt khoảng 182 tỷ USD, chiếm 20% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước; xuất siêu khoảng 6 tỷ USD.

Bắc Ninh là vùng đất có tiềm năng phát triển các loại hình du lịch sinh thái, văn hóa, tâm linh, làng nghề... Hạ tầng du lịch được quan tâm đầu tư gắn với phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, đầu tư xây dựng một số điểm du lịch có tiềm năng, sản phẩm du lịch sinh thái, lịch sử, văn hóa gắn với lợi thế của địa phương như: Khu du lịch sinh thái- tâm linh Tây Yên Tử, chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Dâu, chùa Bút Tháp, chùa Phật tích, chùa Bồ Đà, Khu du lịch sinh thái Suối Mơ (Lục Nam), Khu du lịch sinh thái cộng đồng Bản Ven Xanh (Yên Thế)...Doanh thu du lịch năm 2025 ước đạt 717,8 tỷ đồng gấp 30,4 lần so với

năm 2021. Số lượng khách du lịch tới tỉnh năm 2025 ước đạt 3,9 triệu lượt khách gấp 4,6 lần so với năm 2021.

Hoạt động đầu tư và xây dựng:

Năm 2025, vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh năm 2021 đạt 124,7 nghìn tỷ đồng, năm 2025 ước đạt 155, 4 nghìn tỷ đồng, bình quân giai đoạn 2021-2025 tăng 3,4%/năm. Thu hút đầu tư nước ngoài: Năm 2025, toàn tỉnh cấp mới đăng ký đầu tư 388 dự án, với tổng vốn đăng ký là 4.575,6 triệu USD; tổng vốn thực hiện là 3.236,2 triệu USD. Lũy kế: đã cấp 3.740 dự án đăng ký đầu tư còn hiệu lực với tổng vốn đạt 37.164,9 triệu USD. Tính riêng thu hút đầu tư FDI năm 2025, Bắc Ninh xếp thứ 3 cả nước. Các dự án FDI tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất, gia công các sản phẩm linh kiện điện tử, may mặc, logistics... Tính đến nay, có trên 30 quốc gia và lãnh thổ có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; trong đó, Trung Quốc là nước đầu tư lớn nhất, kế đến là Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản...

Phát triển doanh nghiệp: Làn sóng khởi nghiệp tiếp tục lan tỏa mạnh mẽ, đặc biệt sau khi Nghị quyết số 68 được ban hành. Ước tính trong năm 2025, toàn tỉnh có khoảng 6.500 doanh nghiệp thành lập mới, góp phần mở rộng quy mô nền kinh tế và tạo thêm việc làm cho người lao động.

Sự phát triển nhanh và mạnh của ngành xây dựng đóng vai trò quan trọng trong phát triển và tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Trong những năm gần đây, đầu tư xây dựng chủ yếu đẩy mạnh vào cơ sở hạ tầng của xã hội và xây dựng các khu, cụm công nghiệp để phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn ngành xây dựng (giá hiện hành) đạt 20,1 nghìn tỷ đồng, tăng 6,1% so với năm 202, bình quân tăng 1,2%/năm giai đoạn 2021-2025. Bên cạnh đó, Bắc Ninh đã và đang triển khai nhiều dự án hạ tầng quan trọng, nổi bật là dự án Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, song song với đó, địa phương cũng đặc biệt chú trọng đầu tư đồng bộ vào các lĩnh vực then chốt như y tế, giáo dục và văn hóa, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao toàn diện chất lượng cuộc sống cho nhân dân trên địa bàn.

Thu, chi ngân sách: Năm 2021, thu ngân sách nhà nước 87.251 tỷ đồng, trong đó: thu nội địa 43.402 tỷ đồng, chi ngân sách địa phương là 61.491 tỷ đồng. Năm 2023, thu ngân sách nhà nước 95.445 tỷ đồng, trong đó: thu nội địa 37.812 tỷ đồng, chi ngân sách địa phương là 77.893 tỷ đồng. Năm 2025, thu ngân sách nhà nước 131.728 tỷ đồng, trong đó: thu nội địa 63.482 tỷ đồng, chi

ngân sách địa phương là 92.769 tỷ đồng. Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân giai đoạn 2021-2025 là 11,6%/năm.

Hoạt động tài chính, ngân hàng: Hoạt động tiền tệ, tín dụng, ngân hàng ổn định. Tổng nguồn vốn huy động đạt 395,6 nghìn tỷ đồng, tăng 14,5% so với cùng kỳ; dư nợ tín dụng đạt 387.324 tỷ đồng tăng 17,9%.

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo phát triển toàn diện: Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt, ngành Giáo dục của tỉnh đạt được nhiều thành tích, dấu ấn nổi bật: Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 đứng thứ 9 toàn quốc với tỷ lệ tốt nghiệp đạt 99,46. Tỉnh tổ chức thành công Kỳ thi chọn học sinh giỏi văn hóa cấp quốc gia năm học 2024-2025, ghi nhận thành tích nổi bật khi toàn tỉnh có 206 học sinh dự thi ở 12 môn, đạt 180 giải, trong đó có 17 giải Nhất - đứng thứ hai toàn quốc với 04 thủ khoa HSGQG toàn quốc ở các môn Vật lí, Lịch sử, Địa lí và Tiếng Anh; có 03 á khoa HSGQG toàn quốc ở các môn Hóa học, Lịch sử và Tiếng Trung.

Trên đấu trường quốc tế, Bắc Ninh tiếp tục ghi dấu ấn mạnh mẽ với 17 học sinh được lựa chọn tham gia các đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế. Kết quả, học sinh Bắc Ninh mang về 1 HCV Olympic Vật lí Châu Á, 1 HCV và 1 bằng khen Olympic Vật lí Châu Âu, 1 HCV Olympic Hóa học quốc tế, 1 HCB Olympic Vật lí quốc tế và 1 HCD Olympic Toán học quốc tế. Với 6 lượt học sinh đạt giải, Bắc Ninh xếp thứ nhất toàn quốc về thành tích Olympic khu vực, quốc tế trong năm học 2024-2025.

Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục được xây dựng cơ bản bảo đảm về số lượng, cơ cấu, chất lượng; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tiếp tục được quan tâm, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; 100% trường công lập được kiên cố hóa và đạt chuẩn quốc gia; hệ thống trường chuyên, trường trọng điểm được xây dựng hiện đại, đáp ứng yêu cầu về bồi dưỡng nhân tài của tỉnh; Chương trình “Sửa học đường” và Đề án, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tiếp tục được triển khai hiệu quả. Công tác khuyến học, khuyến tài được quan tâm và phát triển rộng rãi.

Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân:

Trong 5 năm qua (2021-2025), hệ thống y tế ngày càng phát triển theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Mặc dù số lượng cơ sở y tế thu hẹp lại do thực hiện chủ trương sáp nhập, quy mô giường bệnh vẫn tăng mạnh nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu khám chữa bệnh của người dân. Cụ thể, đến năm 2025, tổng số giường bệnh đạt hơn 13 nghìn giường, tăng 34,4% so với năm 2021. Tỷ lệ bác sĩ bình

quân trên 1 vạn dân (năm 2021 mới chỉ là 10,7 đến năm 2025 đã là 14,5) và tỷ lệ giường bệnh tính bình quân trên 1 vạn dân (năm 2021 là 28,2 đến năm 2025 là 36,2 giường) cũng tăng cao. Hệ thống Y tế trong những năm qua không ngừng được củng cố và hoàn thiện từ cấp tỉnh đến xã, đội ngũ cán bộ y tế với cơ cấu ngày càng hợp lý và trình độ chuyên môn ngày càng được nâng cao, cơ sở vật chất của các cơ sở y tế ngày càng được đầu tư, mở rộng quy mô và chất lượng, triển khai hiệu quả quản lý sức khỏe người dân trên phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử.

Công tác phòng, chống dịch bệnh được nâng cao rõ rệt. Đặc biệt trong năm 2019-2020 đã thực hiện công tác kiểm soát, phòng chống hiệu quả đại dịch COVID-19. Các dịch bệnh truyền nhiễm như: Bạch hầu, Cúm A, B, Viêm gan virus... đều được kiểm soát khá tốt, không để lây lan thành dịch ra cộng đồng. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được củng cố, hoạt động chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em được quan tâm.

An sinh xã hội và mức sống dân cư:

Trong 5 năm qua, công tác an sinh xã hội được triển khai thiết thực, kịp thời, hiệu quả, đời sống nhân dân được nâng lên đáng kể: Tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều toàn tỉnh giảm đáng kể từ 3,47% năm 2021 xuống còn 0,56% năm 2025 thấp hơn bình quân chung cả nước (2,95%). Thu nhập bình quân đầu người tăng 1,37 lần từ 52,7 triệu đồng năm 2021 lên 72,2 triệu đồng năm 2025. Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, các giải pháp tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động rất được quan tâm.

Công tác đền ơn đáp nghĩa và thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công luôn được tỉnh Bắc Ninh triển khai đầy đủ, kịp thời. Địa phương đã ban hành nhiều chính sách đặc thù nhằm chăm sóc và nâng cao đời sống người có công như: hỗ trợ cải thiện nhà ở; tổ chức điều dưỡng, đón tiếp người có công và thân nhân; thăm tặng quà dịp Tết và ngày 27/7; cùng chế độ phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Bên cạnh đó, công tác giảm nghèo bền vững luôn được cấp ủy, chính quyền các cấp chỉ đạo quyết liệt. Tỉnh đã triển khai nhiều mô hình sinh kế và dự án phát triển sản xuất phù hợp với từng địa phương, giúp hàng nghìn hộ nghèo ổn định thu nhập. Đã có gần 5.000 người thuộc hộ nghèo, cận nghèo được đào tạo nghề, giới thiệu việc làm và tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội để phát triển kinh tế.

Nhờ sự chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thế mạnh vùng, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện. Các chính sách đồng bộ này không chỉ góp phần giảm nghèo bền vững mà còn giữ vững an ninh trật tự, phát huy bản sắc văn hóa và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

2. Thực trạng phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025

2.1. Tình hình chung

Sản xuất nông nghiệp của tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 có những thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, cụ thể là:

2.1.1. Thuận lợi

Xu thế hội nhập và toàn cầu hóa trên bình diện quốc tế và khu vực đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ cả về chiều rộng lẫn chiều sâu trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt trong kinh tế. Khoa học và công nghệ ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Kinh tế tri thức phát triển mạnh và theo đó, chất lượng nguồn nhân lực đang trở thành lợi thế chủ yếu của mỗi Quốc gia. NN Việt Nam, mặc dù quy mô sản xuất nhỏ, phân tán nhưng trong bối cảnh hầu hết nông dân đều tham gia vào sản xuất hàng hóa nên việc mở rộng thương mại quốc tế đem lại hiệu quả lan tỏa sâu rộng trong việc tạo việc làm và thu nhập của đông đảo người lao động nông thôn.

Ở trong nước dân số đã đạt ngưỡng trên 100,3 triệu người, kinh tế tăng trưởng ổn định với tốc độ bình quân 6,5 - 7%/năm; dân số tăng kết hợp với thu nhập tăng sẽ làm nhu cầu tiêu dùng nông sản thực phẩm sạch, có chất lượng tăng mạnh. Mặt khác, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm đang được đầu tư mở rộng cả về quy mô, công nghệ và vốn, đòi hỏi cần khối lượng lớn nguyên liệu. Những yếu tố này vừa là động lực, vừa là cơ sở để bố trí lại quy hoạch sản xuất nông, lâm, thủy sản trong những năm tới.

Ở trong tỉnh: Bắc Ninh, với vị trí địa lý nằm trong vùng thủ đô Hà Nội, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, nên có vai trò điều hòa, điều tiết để phát triển kinh tế - xã hội chung và là địa bàn tiếp giáp về địa lý và kết nối giao thông thuận lợi với thủ đô Hà Nội nên có nhiều lợi thế cạnh tranh về các sản phẩm nông nghiệp. Vì vậy, nông nghiệp tiếp tục phát triển, khẳng định vị thế quan trọng trong nền kinh tế, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh, đặc biệt trong thời điểm bùng phát dịch bệnh Covid-19 năm 2020, 2021. Công tác dự

báo, cảnh báo, theo dõi và ứng phó kịp thời, hiệu quả với các diễn biến bất thường của thời tiết; Dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được kiểm soát tốt, không phát sinh những ổ dịch lớn và lây lan trên diện rộng; bước đầu triển khai các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đất trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng có giá trị kinh tế cao, kết hợp nuôi trồng thủy sản đem lại hiệu quả kinh tế cho người sản xuất; chăn nuôi trang trại tập trung ngoài khu dân cư tiếp tục được duy trì và phát triển; thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai; các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, sản phẩm OCOP và ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh được triển khai sâu rộng... đã khuyến khích người dân, doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất.

Đất sản xuất của vùng trung tâm sản xuất nông nghiệp được hình thành từ phù sa của hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Thái Bình nên độ phì nhiêu cao, địa hình khá bằng phẳng, nguồn nước mặt và nước ngầm dồi dào, khí hậu với 4 mùa/năm là điều kiện thuận lợi để phát triển nhiều loại cây trồng, vật nuôi, kể cả một số cây ôn đới ngắn ngày có thể gieo trồng trong mùa đông, đây điều kiện quan trọng để phát triển nông nghiệp đa dạng về sinh học, du lịch sinh thái.

Bắc Ninh gần thủ đô Hà Nội được xem như là một lợi thế so sánh bởi khả năng tiêu thụ của thị trường rộng lớn hàng thứ hai trong cả nước, đồng thời là nơi cung cấp thông tin, chuyển giao công nghệ và tiếp thị sản phẩm,.. Mặt khác, khi thâm nhập thị trường Hà Nội, Bắc Ninh cũng có chi phí vận chuyển rẻ hơn, thời gian ngắn hơn chi phí bảo quản thấp hơn và độ tươi sống của sản phẩm cũng tốt hơn,... nên sẽ dễ tiêu thụ hơn.

Bắc Ninh cũng là một thị trường lớn cho nông sản hàng hóa với dân số trên 3,6 triệu người, lực lượng lao động đang sinh sống và làm việc có xu hướng ngày càng tăng; hiện nay đã có 33 khu công nghiệp (KCN) tập trung và hơn 96 cụm công nghiệp làng nghề, đa nghề đang hoạt động đã thu lao động ngoại tỉnh đến làm việc, nhu cầu tiêu dùng nông sản thực phẩm hàng ngày là rất lớn.

Bắc Ninh có nhiều cơ sở sản xuất và chế biến nông sản với quy mô lớn, các vùng phụ cận của Bắc Ninh cũng có nhiều cơ sở chế biến nông sản lớn có thể thu mua, sơ chế biến nông sản được sản xuất trên địa bàn tỉnh.

Trong những năm qua, tỉnh Bắc Ninh đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn, hỗ trợ nông dân; Nông nghiệp chuyển dần sang sản xuất hàng hóa, chương trình xây dựng nông thôn mới bước đầu đạt

kết quả tốt; Đời sống nhân dân khu vực nông thôn được nâng lên, tạo lập các yếu tố nền tảng, phát huy động lực phát triển trong giai đoạn mới.

2.1.2. Khó khăn, thách thức

Sức ép từ quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa lên quỹ đất sản xuất: Tốc độ phát triển hạ tầng công nghiệp và đô thị diễn ra nhanh chóng khiến diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp đáng kể. Tình trạng đất đai manh mún, phân tán vẫn còn phổ biến, gây trở ngại lớn cho việc quy hoạch các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn và thu hút các doanh nghiệp đầu tư dài hạn.

Tình trạng thiếu hụt và biến động lực lượng lao động nông nghiệp: Sự chuyển dịch mạnh mẽ của lực lượng lao động trẻ, có trình độ sang khu vực công nghiệp và dịch vụ dẫn đến tình trạng già hóa lao động trong nông thôn. Lực lượng lao động nông nghiệp hiện nay chủ yếu là người lớn tuổi, khả năng tiếp thu và ứng dụng khoa học - kỹ thuật tiên tiến còn hạn chế, đồng thời làm gia tăng chi phí thuê nhân công trong các vụ cao điểm.

Tác động tiêu cực của thiên tai, biến đổi khí hậu và rủi ro dịch bệnh: Thời tiết diễn biến phức tạp, các hiện tượng cực đoan xuất hiện với tần suất cao hơn đã ảnh hưởng trực tiếp đến chu kỳ sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi. Bên cạnh đó, nguy cơ bùng phát các loại dịch bệnh nguy hiểm trên gia súc, gia cầm (như Dịch tả lợn Châu Phi, Cúm gia cầm...) luôn tiềm ẩn, gây rủi ro lớn cho các hộ chăn nuôi và làm gia tăng chi phí phòng dịch.

Chi phí đầu vào tăng cao và rủi ro biến động thị trường: Giá vật tư nông nghiệp (phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật) duy trì ở mức cao trong nhiều thời điểm, trong khi giá tiêu thụ nông sản đầu ra thiếu ổn định. Mối liên kết chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ tuy đã hình thành nhưng chưa thực sự bền vững, khiến hiệu quả kinh tế của người sản xuất còn bấp bênh.

Thách thức về ô nhiễm môi trường và an toàn sinh học: Việc sản xuất nông nghiệp nằm xen kẽ trong các vùng đô thị và khu công nghiệp đặt ra yêu cầu nghiêm ngặt về xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp và kiểm soát ô nhiễm nguồn nước. Điều này đòi hỏi chi phí đầu tư lớn cho giải pháp bảo vệ môi trường để hướng tới phát triển nông nghiệp xanh, bền vững.

2.2. Tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2021-2025

2.2.1. Nông nghiệp

a. Trồng trọt

Cây hàng năm:

Diện tích gieo trồng cây hàng năm có xu hướng giảm trong giai đoạn 2021-2025 từ 231,4 nghìn ha (năm 2021) xuống còn 216,5 nghìn ha (năm 2025), bình quân giai đoạn giảm 1,43%/năm nguyên nhân chính xuất phát từ tác động của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa làm thu hẹp diện tích đất canh tác. Cùng với đó là xu hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cụ thể tính từ năm 2017 đến nay, toàn tỉnh đã thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa được trên 12.412 ha, trong đó chuyển sang cây trồng hàng năm trên 3.635 ha, chuyển sang trồng cây lâu năm trên 7.632 ha, chuyển đổi sang trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên 1.145 ha.

Lúa vẫn là cây trồng chủ lực với diện tích gieo trồng hàng năm chiếm khoảng 70% tổng diện tích gieo trồng; cơ cấu giống lúa tiếp tục chuyển dịch theo hướng mở rộng diện tích lúa chất lượng cao (như các giống lúa năng suất cao GS9, Q.ưu số 1, B-TE1, Bắc ưu 903-KBL, Thiên ưu 8; giống lúa chất lượng cao Bắc thơm số 7, TBR225, nếp N87, N97, PD2, BM 9603, LC25), giảm tỷ lệ diện tích lúa tẻ thường.

Diện tích lúa những năm gần đây có xu hướng giảm. Cụ thể diện tích lúa năm 2021 là 161.572 ha giảm xuống còn 149.695,9 ha tức là giảm 7,4%, bình quân giai đoạn 2021-2025 giảm 1,84%/năm. Sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người có xu hướng giảm mạnh, từ 308,8 kg năm 2021 xuống còn 252,6 kg năm 2025. Thực trạng này xuất phát từ việc diện tích gieo trồng bị thu hẹp, kết hợp với áp lực tăng trưởng dân số nhanh khiến chỉ số lương thực bình quân trên mỗi người dân suy giảm đáng kể.

Bảng 1: Diện tích, năng suất, sản lượng lúa giai đoạn 2021-2025

	Diện tích	Năng suất	Sản lượng
	Ha	Tạ/ha	Tấn
2021	161.572,0	60,8	981.823,0
2022	157.802,0	60,8	958.779,0
2023	154.481,0	60,2	929.753,0
2024	152.330,0	54,8	835.520,0
Sơ bộ 2025	149.695,9	56,9	852.377,0
Bình quân giai đoạn 2021-2025	-1,84	-1,09	-2,89

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh 2025

Hàng năm, duy trì trên 8.000 ha cây có hạt chứa dầu (lạc, đậu tương); khoảng 29.000 ha cây rau các loại và khoảng 1.200 ha đậu các loại. Tỉnh đã đẩy mạnh đưa vào sản xuất đại trà các nhóm cây rau màu ngắn ngày có năng suất, chất lượng cao và thị trường tiêu thụ tốt như khoai tây, cà rốt, hành tỏi và rau xanh các loại. Trong đó, nhiều giống mới có phẩm chất vượt trội đã được khảo nghiệm và nhân rộng hiệu quả, tiêu biểu như các giống ngô NK4300, NK6654, HN88; cà rốt Ti103, VL444; cùng các giống khoai tây cho năng suất cao như Marabel, Solara, KT6 và Atlantic.

Trong năm 2025 diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm khác tổng diện tích chuyển đổi là 415,32 ha (trong đó: 250,78 ha đất chuyên trồng lúa; 164,54 ha đất trồng lúa còn lại). Cây trồng được chuyển đổi chủ yếu là: Lạc, ngô, rau đậu các loại,... Diện tích chuyển đổi đảm bảo theo kế hoạch và không có diện tích phát sinh ngoài. Bước đầu cho thấy việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa kém hiệu quả đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập cho người sản xuất, đặc biệt là các mô hình sản xuất rau, hoa trong nhà màng, nhà kính ứng dụng công nghệ cao cho giá trị cao hơn hàng trăm triệu đồng so với trồng lúa, điển hình như: mô hình sản xuất khoai tây với tổng diện tích trên 1.000 ha, cho giá trị đạt trên 150 triệu đồng/ha/vụ; mô hình sản xuất rau cần của HTXNN Hoàng Lương, xã Hoàng Vân có liên kết bao tiêu sản phẩm với nông dân cho thu nhập trung bình đạt trên 250 triệu đồng/ha/vụ; Mô hình sản xuất ngô ngọt tập trung cho thu nhập trên 150 triệu đồng/ha/vụ; mô hình sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP của hợp tác xã rau sạch Yên Dũng tại phường Cảnh Thụy, sản phẩm chủ yếu cung cấp cho các công ty, trường học, siêu thị, chuỗi nhà hàng sạch tại TP Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh... cho doanh thu trên bình quân trên 250 triệu đồng/ha/vụ.

Cây lâu năm:

Giai đoạn 2021-2025, diện tích cây lâu năm toàn tỉnh ổn định ở mức khoảng 54.700 ha. Trong đó, cơ cấu cây trồng ghi nhận sự chuyển dịch nội bộ tích cực, chủ yếu từ diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây lâu năm. Tổng diện tích chuyển đổi năm 2025 là 53,94 ha trên đất trồng lúa còn lại. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả như: táo, ổi, na, vải thiều, mít... đã đem lại hiệu quả kinh tế cao; hiệu quả kinh tế của việc chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng cây ăn quả cao gấp 8-10 lần so với trồng lúa. Một số mô hình chuyển đổi tiêu biểu như: mô hình chuyển đổi

từ trồng lúa sang trồng táo tại xã Lục Ngạn, cho giá trị trên 550 triệu đồng/ha; mô hình chuyển đổi sang trồng ổi Đài Loan tại xã Phúc Hòa, cho giá trị đạt trên 800 triệu đồng/ha/năm; Mô hình chuyển đổi sang trồng nhãn tại xã Lục Sơn, cho giá trị đạt trên 700 triệu đồng/ha/năm...

Diện tích cây lâu năm tăng nhẹ, sơ bộ năm 2025 đã trồng 54.772,3 ha, tăng 0,04% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó cây ăn quả là 53.739,1 ha, chiếm 98,1% diện tích cây lâu năm, giảm 0,2% năm 2021. Trong đó: diện tích cây vải thiều lớn nhất với 29.771,2ha, tăng 1.368,6 ha so với cùng kỳ năm 2021, sản lượng ước đạt 216,9 nghìn tấn, tăng 1,1 nghìn tấn so với cùng kỳ năm 2021. Sản phẩm vải thiều sớm của Bắc Ninh đã được xuất khẩu sang châu Âu, Nhật Bản, Hoa Kỳ - những thị trường đòi hỏi khắt khe về chất lượng và an toàn thực phẩm. Thành công trong việc mở rộng diện tích, tăng sản lượng và vươn tới các thị trường khó tính đã mở ra cơ hội lớn cho người trồng vải. Việc đa dạng hóa thị trường tiêu thụ từ nội địa đến các thị trường xuất khẩu cao cấp đã hạn chế tối đa tình trạng “được mùa mất giá”, tạo nguồn thu nhập ổn định và thúc đẩy sự phát triển bền vững cho ngành nông nghiệp địa phương.

Cây bưởi với diện tích 5.237,7 ha, giảm 866,5 ha so với cùng kỳ năm 2021, sản lượng 46.163 tấn, tăng 3.742,6 tấn so với cùng kỳ năm 2021; cho thấy hiệu quả canh tác và năng suất cây bưởi được cải thiện rõ rệt. Mặc dù diện tích thu hẹp nhưng nhờ việc đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, và đưa các giống chất lượng cao như: Bưởi Diễn, Đào Đường, Cát Quế, Da Xanh ...vào sản xuất nên tổng sản lượng vẫn đạt mức tăng trưởng tích cực. Diện tích bưởi sản xuất theo VietGAP là 3,6 nghìn ha, diện tích sản xuất hữu cơ khoảng 10 ha tập trung tại các xã: Nam Dương, Lục Ngạn, Yên Thế, Phượng Sơn...

Nhiều tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới được ứng dụng trong sản xuất trồng trọt như: nhà kính, nhà lưới, nhà màng, công nghệ tưới phun mưa, tưới nhỏ giọt tự động, ... trong sản xuất rau an toàn, hoa cây cảnh đã góp phần tạo diện mạo mới cho sản xuất trồng trọt. Nhờ thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng hiệu quả, trên địa bàn tỉnh đã hình thành nhiều vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, mang lại giá trị kinh tế cao như vùng sản xuất vải thiều; vùng cây có múi cho thu nhập từ 300-500 triệu đồng/ha/năm; vùng rau an toàn tập trung thu nhập từ 350-400 triệu đồng/ha/năm; mô hình trồng sen cho thu nhập từ 300 - 400 triệu đồng/ha/năm; mô hình trồng dược liệu cho thu nhập từ 400 - 500 triệu đồng/ha/năm. Nhiều sản phẩm đã xây dựng thương hiệu hàng hóa, có giá trị kinh tế cao, ổn định có thị trường tiêu thụ như: Vải thiều Lục Ngạn, vải sớm Phúc Hòa,

ôi Tân Yên, bưởi Lục Ngạn, cam Lục Ngạn, na dai Lục Nam; chè Bản Ven, rau cần Hoàng Lương,...

b. Chăn nuôi

Giai đoạn 2021-2025, ngành chăn nuôi tỉnh Bắc Ninh ghi nhận bước chuyển dịch mạnh mẽ từ phương thức sản xuất nhỏ lẻ, phân tán trong hộ gia đình sang mô hình chăn nuôi trang trại tập trung, ứng dụng công nghệ cao và bảo đảm an toàn sinh học. Mặc dù chịu sức ép lớn từ quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa làm thu hẹp diện tích đất đai và những biến động phức tạp của giá vật tư đầu vào, ngành chăn nuôi vẫn duy trì đà phát triển ổn định. Hoạt động chăn nuôi tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những trụ cột chính, đóng góp tỷ trọng lớn vào tổng giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp địa phương.

Xét theo nhóm vật nuôi, giai đoạn 2021-2025 chăn nuôi lợn và gia cầm tiếp tục giữ vai trò chủ lực trong cơ cấu ngành. Đàn lợn từng bước khôi phục và phát triển theo hướng an toàn sinh học sau ảnh hưởng của dịch bệnh, với sự gia tăng nhanh chóng của các mô hình gia trang và trang trại quy mô lớn. Đối với chăn nuôi gia cầm, sản lượng thịt và trứng liên tục duy trì tốc độ tăng trưởng tốt nhờ sự xuất hiện của các vùng chăn nuôi trọng điểm sử dụng hệ thống chuồng kín, tự động hóa và ứng dụng chế phẩm sinh học. Trái lại, đàn gia súc lớn như trâu, bò có xu hướng giảm mạnh, chuyển dần từ hình thức chăn thả tự nhiên sang nuôi nhốt thâm canh do quỹ đất bãi chăn thả bị thu hẹp.

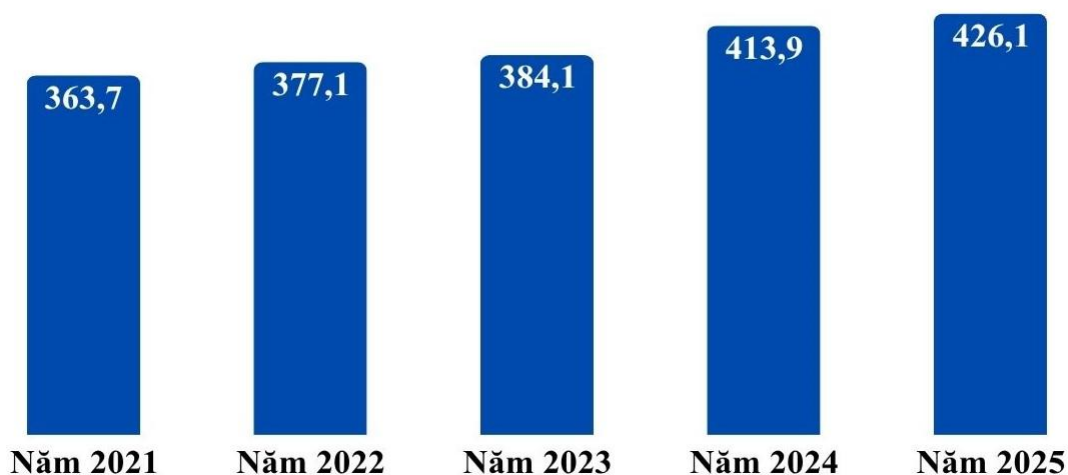
Tổng sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng năm 2021 đạt 233,5 nghìn tấn, năm 2025 ước đạt 252,2 nghìn tấn, tăng 8% so với năm 2021. Tổng đàn lợn năm 2021 là 1.144,3 nghìn con, năm 2025 là 1.171,5 nghìn con tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2021. Sản lượng thịt gia cầm tăng liên tục qua các năm, từ 120,4 nghìn tấn năm 2021 lên 141,2 nghìn tấn năm 2023 và 164,6 nghìn tấn năm 2025 tăng 36,7% so với năm 2021. Sản lượng thịt trâu bò năm 2021 là 9.791,7 tấn và có xu hướng giảm dần qua các năm, năm 2025 chỉ còn là 9.346,8 tấn giảm 4,5% so với năm 2021.

Công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản trên địa bàn tỉnh được xây dựng, tham mưu cho UBND tỉnh ban hành cụ thể cho từng năm. Dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm đặc biệt là dịch tả lợn châu Phi đã từng bước được kiểm soát, tránh lây lan trên diện rộng bằng các biện pháp tiêu hủy số gia súc, gia cầm mắc bệnh và thực hiện ngay các biện pháp khoanh vùng dịch bệnh, khử trùng tiêu độc chuồng trại chăn nuôi, khu vực xung quanh hộ có dịch, các thôn, khu phố tại các xã, phường có dịch và các khu vực có nguy cơ cao.

Đồng thời, tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở, hộ chăn nuôi áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học. Công tác triển khai Tháng tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường và công tác tiêm phòng đại trà trên địa bàn tỉnh được thực hiện đúng tiến độ; công tác kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y được tiến hành thường xuyên, nghiêm túc.

Quá trình chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực chăn nuôi của tỉnh đang diễn ra mạnh mẽ. Các chủ trang trại đầu tư chuồng trại khép kín với hệ thống làm mát, máng ăn và nước uống tự động, xử lý chất thải chăn nuôi bằng bể biogas, chế phẩm vi sinh và áp dụng quy trình an toàn sinh học, sản xuất theo hướng hữu cơ, tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, tuần hoàn. Toàn tỉnh hiện có 369 mô hình chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao gắn với liên kết tiêu thụ theo chuỗi giá trị, trong đó nhiều mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa trong quản lý, giám sát sản xuất... Trên 85% trang trại, hộ chăn nuôi sử dụng thiết bị cho ăn, uống tự động hoặc bán tự động. Điển hình như 5 doanh nghiệp trực thuộc Công ty cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; một số trang trại nuôi lợn đầu tư hệ thống máng ăn, nước uống tự động, quạt gió, máy phối trộn thức ăn và giám sát bằng camera; trang trại Delco (phường Ninh Xá) với quy mô 6 ha có hệ thống chuồng nuôi gà được quản lý bằng phần mềm tích hợp Internet vạn vật (IoT) do kỹ sư Việt Nam thực hiện...

**Biểu đồ 1: Sản lượng thịt hơi gia súc gia cầm xuất chuồng
giai đoạn 2021-2025 (tấn)**



Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh 2025

2.2.2. Lâm nghiệp

Năm 2025, tổng diện tích rừng tại 70 xã, phường trên địa bàn tỉnh đạt 146,9 nghìn ha, giảm 14 nghìn ha (tương ứng giảm 8,7%) so với năm 2021; trong đó bao gồm 54,3 nghìn ha rừng tự nhiên và 92,6 nghìn ha rừng trồng. Cùng với sự thu hẹp về diện tích, tỷ lệ che phủ rừng cũng suy giảm từ 34,1% năm 2021 xuống còn 31,2% năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc chuyển mục đích sử dụng đất lâm nghiệp phục vụ phát triển hạ tầng giao thông, các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị và các dự án an ninh, quốc phòng. Mặc dù diện tích chịu sức ép thu hẹp, công tác quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên và phòng cháy, chữa cháy rừng vẫn được duy trì nghiêm túc, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học và giữ vững môi trường sinh thái địa phương.

Năm 2025, phong trào trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tiếp tục được triển khai sâu rộng và hiệu quả, trở thành giải pháp trọng tâm nhằm bù đắp khoảng trống che phủ do diện tích đất lâm nghiệp tập trung bị thu hẹp. Gắn liền với việc hoàn thành Đề án "Trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025" của Thủ tướng Chính phủ, các cấp, các ngành và địa phương đã chủ động huy động nguồn lực xã hội hóa để mở rộng mảng xanh. Cây phân tán được bố trí linh hoạt tại các tuyến đường giao thông, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, khuôn viên công sở, trường học, khu dân cư mới và dải cây xanh cách ly tại các khu, cụm công nghiệp. Tỉnh ưu tiên lựa chọn các giống cây thân gỗ đa mục tiêu, cây bản địa có sức sống tốt và tán rộng như sấu, phượng, xà cừ, bằng lăng, giúp nâng cao tỷ lệ cây sống và tạo cảnh quan đô thị hiện đại. Việc gắn trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ cây cho các tổ chức đoàn thể địa phương đã mang lại hiệu quả thiết thực, bảo đảm cây trồng phát triển ổn định. Hoạt động này không chỉ giúp điều hòa khí hậu, giảm thiểu ô nhiễm bụi và tiếng ồn tại các vùng trọng điểm công nghiệp, mà còn góp phần quan trọng vào mục tiêu xây dựng Bắc Ninh trở thành tỉnh phát triển bền vững và xanh - sạch - đẹp.

Giai đoạn 2021-2025, công tác chăm sóc và bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được triển khai đồng bộ, nghiêm túc, góp phần duy trì ổn định diện tích rừng tự nhiên và nâng cao chất lượng hệ sinh thái lâm nghiệp. Các lực lượng chức năng đã chủ động phối hợp, tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp, ngăn chặn tình trạng lấn chiếm đất rừng hay khai thác lâm sản trái phép. Bối cảnh công nghiệp hóa diễn ra nhanh chóng càng đặt ra yêu cầu cao hơn cho công tác phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCR); theo đó, phương án "4 tại chỗ" cùng hệ thống cảnh báo, ứng phó sự cố được duy trì hiệu quả tại các vùng trọng điểm trong suốt cả giai đoạn. Tỉnh cũng

tập trung đẩy mạnh công tác chăm sóc, khoanh nuôi tái sinh rừng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng lâm nghiệp sang các giống cây bản địa, cây gỗ lớn có giá trị sinh thái cao. Việc đẩy mạnh giao khoán bảo vệ rừng gắn với trách nhiệm của chính quyền cơ sở và cộng đồng dân cư đã nâng cao nhận thức chung, hạn chế tối đa nguy cơ cháy rừng quy mô lớn.

2.2.3. Thủy sản

Giai đoạn 2021-2025 đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ của ngành thủy sản tỉnh Bắc Ninh theo hướng thâm canh, hiện đại hóa và ứng dụng công nghệ cao. Diện tích nuôi trồng thủy sản có xu hướng giảm qua các năm, năm 2021 diện tích nuôi trồng thủy sản là 14.635,2 ha giảm xuống 13.400,9 ha năm 2025 tức là giảm 8,4 ha (hay 1.234,3 ha) và có khoảng 100 vùng nuôi thủy sản tập trung quy mô từ 10 ha/vùng trở lên với các đối tượng cá có năng suất, giá trị kinh tế cao như: Trắm cỏ, chép lai, rô phi, điêu hồng, lăng đen (nheo Mỹ), chép giòn... Không những vậy, những năm gần đây, tỉnh đã đẩy mạnh việc chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang các mô hình chuyên nuôi cá hoặc lúa - cá mang lại giá trị kinh tế vượt trội. Diện tích chuyển đổi năm 2025 là 8,62 ha (trong đó: 4,38 ha đất chuyên trồng lúa; 4,24 ha đất trồng lúa còn lại). Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn 3-4 lần so với chuyên canh lúa. Việc trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản giúp tăng thu nhập, góp phần cải thiện đời sống của người dân, giảm việc sử dụng thuốc BVTV, bảo vệ môi trường... các mô hình tập trung tại các xã, phường Yên Dũng, Lục Nam, Lạng Giang, Việt Yên, Lương Tài, Gia Bình...

Giai đoạn 2021-2025 ghi nhận sự bứt phá và hiệu quả rõ rệt trong công tác tổ chức sản xuất thủy sản của tỉnh Bắc Ninh. Dù diện tích mặt nước phục vụ nuôi trồng có xu hướng giảm do quá trình đô thị hóa và điều chỉnh quy hoạch, sản lượng thủy sản của tỉnh không những không sụt giảm mà còn liên tục tăng trưởng đều đặn qua từng năm. Nhờ đẩy mạnh thâm canh, ứng dụng công nghệ hiện đại và nâng cao năng suất trên một đơn vị diện tích, đến năm 2025, tổng sản lượng thủy sản toàn tỉnh ước đạt 95.355,5 tấn.

Cơ cấu sản lượng thể hiện rõ định hướng lấy nuôi trồng làm trọng tâm: sản lượng thủy sản nuôi trồng chiếm tỷ trọng áp đảo với 90.740,8 tấn, trong khi hoạt động khai thác tự nhiên đóng góp 4.614,7 tấn. So với mốc 89.956 tấn của năm 2021, tổng sản lượng thủy sản đến năm 2025 đã ghi nhận mức tăng ấn tượng 6%. Thực tế "diện tích giảm nhưng sản lượng tăng" là minh chứng nét

nhất cho thấy ngành thủy sản Bắc Ninh đã và đang chuyển đổi thành công từ mô hình phát triển chiều rộng sang chiều sâu, tối ưu hóa quy trình chăn nuôi để gia tăng giá trị kinh tế một cách bền vững.

Những năm gần đây, phương thức nuôi có sự chuyển biến tích cực theo hướng thâm canh, nhiều hộ nuôi thủy sản áp dụng công nghệ cao vào sản xuất như hệ thống quạt nước, sục khí tự động hoặc điều khiển bằng thiết bị điện thoại thông minh để tự động giờ bật, tắt, cảnh báo mất điện, từ đó giúp chủ động thời gian, quản lý tốt ao nuôi, giảm sức lao động, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Cùng với đó, nhiều hộ nuôi thủy sản có xu hướng sử dụng các chế phẩm vi sinh giảm thiểu ô nhiễm môi trường, ổn định chất lượng nước, nâng cao sức đề kháng, qua đó nâng cao năng suất, sản lượng, hiệu quả nuôi cá.

Đặc biệt, để khai thác hiệu quả tiềm năng mặt nước, cung cấp thực phẩm an toàn đến người tiêu dùng, ngành Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương trong tỉnh Bắc Ninh tập trung hỗ trợ, khuyến khích hộ nuôi thủy sản áp dụng quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. Việc nuôi thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP tạo ra sản phẩm an toàn, truy xuất được nguồn gốc, tạo thuận lợi trong tiêu thụ sản phẩm và nâng cao giá trị sản xuất. Đồng thời thay đổi nhận thức của người dân về kỹ thuật nuôi an toàn theo quy chuẩn, bảo đảm tính bền vững trong nuôi thủy sản nước ngọt. Theo thống kê từ ngành Nông nghiệp và Môi trường, toàn tỉnh hiện có 312 ha nuôi thủy sản đã và đang áp dụng quy trình nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP, tăng 100 ha so năm 2024.

Sản xuất thủy sản tiếp tục tăng cả về quy mô, năng suất, sản lượng đặc biệt là nghề nuôi cá lồng trên sông Đuống, sông Cầu, sông Thái Bình. Công tác chuẩn bị ao nuôi, lồng nuôi, con giống để chuẩn bị nuôi thả cá vụ mới đảm bảo tiến độ; dịch bệnh thủy sản được phát hiện và khống chế kịp thời, không tác động nhiều đến sản lượng cá nuôi. Các loại cá có lượng tiêu thụ ổn định và giá bán có xu hướng tăng nên mặc dù giá thức ăn công nghiệp và vật tư đầu vào duy trì ở mức cao song người nuôi trồng thủy sản vẫn tăng cường đầu tư sản xuất, tập trung các giống cá chất lượng, năng suất, giá trị kinh tế cao như: cá rô phi đơn tính, cá diêu hồng, cá lăng chấm, cá trắm giòn và cá chép giòn... giảm đối tượng cá truyền thống. Cùng với đó, các hoạt động tuyên truyền bảo vệ nguồn lợi thủy sản và thả cá giống bổ sung nguồn lợi thủy sản hàng năm được thực hiện nghiêm túc.

Các công nghệ sản xuất cá giống bằng phương pháp đẻ vuốt, ấp trứng bằng bình vây để sản xuất cá chép giống hoặc công nghệ sử dụng hormone để sản xuất

giống cá rô phi đơn tính đã được áp dụng rộng rãi tại các cơ sở sản xuất cá giống trên địa bàn tỉnh cho các đối tượng cá chép, cá chim trắng, cá trắm cỏ (Xí nghiệp Thái Giang, công ty CP đầu tư MTT, công ty CP Sông Thiên Đức); Các cơ sở sản xuất cá giống như Công ty TNHH MTT Việt Nam, Trung tâm tư vấn sản xuất dịch vụ và CGCN-Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I, Xí nghiệp Thái Giang, DNTN Trung tâm phát triển Thủy sản Việt Nam... góp phần cung cấp ra thị trường khoảng trên dưới 1.000 triệu cá giống các loại như chim trắng, chép, trắm, rô phi đơn tính, điêu hồng... góp phần duy trì tổng sản lượng cá giống trên địa bàn tỉnh và xuất bán cho các thị trường nuôi ngoài tỉnh.

2.3. Giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản

Nhìn chung, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trong giai đoạn 2021-2025 có thuận lợi và khó khăn đan xen cùng tác động, nhưng khó khăn nhiều hơn và cùng với những thách thức mới phát sinh đã ảnh hưởng khá rõ nét đến kết quả chung và phần nào cũng tác động đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bắc Ninh trong những năm qua và có thể sẽ kéo dài trong một vài năm tới.

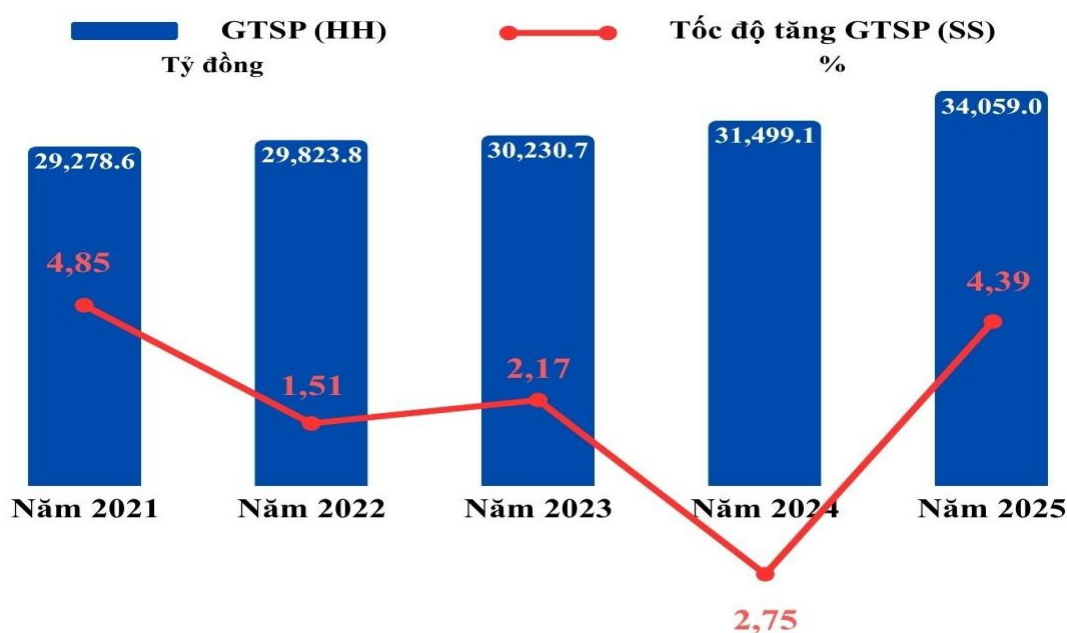
Xét về quy mô tính theo giá hiện hành, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực. Giá trị sản phẩm của toàn ngành đã tăng liên tục qua từng năm, từ mốc 29.278,6 tỷ đồng ghi nhận vào năm 2021 lên tới 34.059 tỷ đồng vào năm 2025. Về mặt chuyển dịch cơ cấu, ngành Nông nghiệp vẫn chiếm vị thế chủ đạo tuyệt đối khi luôn đóng góp từ 87% đến 89% vào tổng giá trị sản phẩm. Lĩnh vực Thủy sản xếp vị trí thứ hai với quy mô chiếm khoảng 7% đến 8%, và cuối cùng là lĩnh vực Lâm nghiệp với tỷ trọng thấp nhất, duy trì trong ngưỡng từ 4% đến 5%.

Theo giá so sánh, do sản lượng cây hàng năm đều sụt giảm qua các năm khi diện tích bị thu hẹp, sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm cũng tăng, giảm bất thường do nhiều yếu tố tác động, nên tính chung giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản cũng biến động theo, năm 2021 tăng 4,8% so với năm 2020; ước tính năm 2025 chỉ tăng 4,4% so với năm 2024. Tính chung 5 năm (2021-2025), giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân tăng 2,0%/năm, đây là mức tăng trưởng ổn định trong giai đoạn 2021-2025 đây chính là minh chứng rõ nét cho thấy các định hướng chỉ đạo, phát triển của tỉnh đã đi đúng trọng tâm và phát huy hiệu quả.

Giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản trên 1 hécta đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản có xu hướng tăng lên trong giai đoạn 2021-2025 lần lượt là: Năm 2021 là 119,4 triệu đồng/ha và 243,5 triệu đồng/ha đến năm 2025 lên

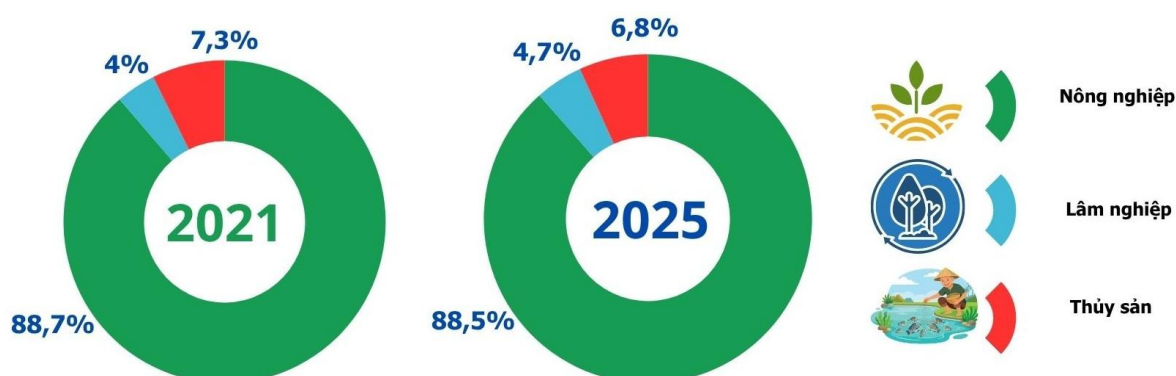
tới 135,3 triệu đồng/ha và 266,6 triệu đồng/ha. Kết quả này là minh chứng rõ nét cho sự chuyển dịch tích cực từ chiều rộng sang chiều sâu của ngành nông nghiệp, thủy sản góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất và cải thiện đáng kể đời sống kinh tế của người nông dân trên địa bàn.

Biểu đồ 2: Quy mô và tốc độ tăng GTSP ngành Nông, Lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2021-2025



Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh 2025

Biểu đồ 3: Cơ cấu GTSP ngành Nông, Lâm nghiệp và thủy sản theo ngành cấp 2 giai đoạn 2021-2025



IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Từ tình hình kinh tế xã hội trên địa bàn toàn tỉnh cũng thực trạng sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2021-2025 đã nêu ở trên, có thể thấy

ngành NLTS vẫn giữ vai trò vô cùng quan trọng, đóng đóng vai trò là "bệ đỡ" vững chắc cho sự phát triển bền vững của tỉnh. Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như diện tích đất sản xuất thu hẹp và sản lượng có những thời điểm biến động, biến đổi khí hậu... ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đã chủ động chuyển dịch mạnh mẽ sang mô hình nông nghiệp công nghệ cao và gia tăng giá trị trên từng đơn vị diện tích. Việc giá trị sản phẩm thu hoạch trên mỗi hecta tăng lên rõ rệt đã khẳng định hiệu quả vượt trội của các mô hình canh tác hiện đại, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống người dân nông thôn. Không chỉ dừng lại ở vai trò đảm bảo an ninh lương thực và ổn định an sinh xã hội, ngành còn là vệ tinh cung ứng thực phẩm tươi sống, an toàn cho các khu công nghiệp, đô thị tập trung, đồng thời giữ vững cân bằng sinh thái cho không gian phát triển chung. Những kết quả đạt được trong giai đoạn 2021-2025 là minh chứng sinh động khẳng định các chủ trương, chính sách định hướng của tỉnh là hoàn toàn đúng đắn, tạo tiền đề vững chắc để tiếp tục phát triển ngành nông nghiệp hiện đại, sinh thái và bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

1. Định hướng và giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030

1.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển kinh tế ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030

1.1.1. Dự báo bối cảnh và tình hình phát triển kinh tế ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh

Bước sang giai đoạn 2026–2030, ngành nông nghiệp đối mặt với cả cơ hội bứt phá lẫn thách thức đan xen. Về cơ hội, xu hướng toàn cầu về chuyển đổi xanh, nông nghiệp tuần hoàn, sản xuất giảm phát thải (hướng tới Net Zero 2050), chuyển đổi số sâu rộng và sự bùng nổ của Cách mạng Công nghiệp 4.0 đang mở ra những động lực mới. Nhu cầu thị trường đối với nông sản cao cấp, sản phẩm OCOP và thực phẩm đạt chuẩn VietGAP/GlobalGAP cũng ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, ngành phải đối mặt với áp lực lớn từ biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, dịch bệnh trên cây trồng - vật nuôi và giá vật tư đầu vào biến động. Dù kinh tế Việt Nam giữ đà tăng trưởng, sự cải thiện về năng lực cạnh tranh vẫn chưa tương xứng, khiến nền kinh tế dễ tổn thương trước cạnh tranh thương mại quốc tế và các rào cản từ FTA. Bên cạnh đó, dù là quốc gia xuất khẩu nông sản hàng đầu với các mặt hàng thế mạnh như gạo, cà phê, điều, hồ tiêu, chè..., nông nghiệp Việt Nam vẫn chủ yếu xuất khẩu thô, trong khi quá trình chuyển dịch sang chế biến sâu còn chậm và gặp nhiều khó khăn.

Bước vào giai đoạn 2026-2030, tỉnh Bắc Ninh trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2026. Sự kiện lịch sử này thúc đẩy mạnh mẽ tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa, gia tăng quỹ việc làm và nâng cao đời sống nhân dân, đồng thời tạo ra thị trường tiêu thụ nông sản bùng nổ ngay tại địa phương nhờ lực lượng công nhân, chuyên gia và cư dân đô thị tăng nhanh. Tỉnh sở hữu vị trí địa lý chiến lược với các tuyến giao thông huyết mạch (QL 1A, 1B, 18, 38...), giáp ranh Thủ đô Hà Nội - trung tâm khoa học - công nghệ hàng đầu cả nước, tạo điều kiện vượt trội để ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, phát triển nông nghiệp công nghệ cao và gia tham sâu vào chuỗi giá trị tiêu thụ.

Tuy nhiên, bước ngoặt trở thành thành phố trực thuộc Trung ương cũng đặt ngành nông nghiệp trước nhiều thách thức. Việc mở rộng đô thị, công nghiệp khiến tài nguyên đất, nước ngày càng thu hẹp; lao động nông thôn chuyển dịch nhanh sang lĩnh vực phi nông nghiệp gây ra tình trạng thiếu hụt nhân lực sản xuất; nguy cơ ô nhiễm môi trường nông thôn gia tăng, cùng áp lực từ biến đổi khí hậu, thiên tai và dịch bệnh diễn biến phức tạp. Dù tỷ trọng đóng góp vào GRDP có xu hướng giảm dần, ngành nông nghiệp vẫn giữ vai trò cốt lõi trong việc bảo đảm an sinh xã hội và duy trì cân bằng sinh thái.

Xu hướng chuyển dịch từ "chiều rộng" sang "chiều sâu": Trước những tác động từ bối cảnh mới, ngành nông nghiệp Bắc Ninh sẽ không còn chạy theo số lượng hay diện tích mà chuyển dịch mạnh mẽ sang mô hình kinh tế nông nghiệp đô thị - sinh thái - công nghệ cao. Trọng tâm phát triển giai đoạn tới là tối đa hóa giá trị gia tăng và nâng cao hiệu quả sử dụng trên từng đơn vị diện tích.

Xu hướng phát triển chuyên ngành sẽ ghi nhận sự chuyển biến rõ nét trên từng lĩnh vực. Trong trồng trọt, diện tích lúa tiếp tục giảm nhưng tập trung vào các giống lúa đặc sản, chất lượng cao kết hợp quy trình canh tác giảm phát thải khí nhà kính; đồng thời mở rộng nhanh vùng sản xuất rau, hoa, quả tươi ứng dụng nhà màng, nhà lưới và công nghệ tưới tiết kiệm để cung ứng trực tiếp cho siêu thị, bếp ăn công nghiệp. Lĩnh vực chăn nuôi sẽ giảm dần các hộ nhỏ lẻ trong dân, dịch chuyển mạnh sang mô hình trang trại khép kín, an toàn sinh học và ứng dụng công nghệ tuần hoàn trong xử lý chất thải. Đối với thủy sản, tỉnh đẩy mạnh công nghệ nuôi sông trong ao và hệ thống tuần hoàn nước (RAS) nhằm tối ưu hóa diện tích mặt nước phục vụ nuôi trồng các loại đặc sản giá trị cao. Riêng ngành lâm nghiệp sẽ tập trung bảo vệ diện tích rừng hiện có, kết hợp phát triển nông nghiệp với du lịch sinh thái và trải nghiệm làng nghề vùng Kinh Bắc.

Cùng với sự phát triển chuyên ngành, chuyển đổi số sẽ trở thành trụ cột bắt buộc trong quản lý nông thôn mới và sản xuất nông nghiệp tại Bắc Ninh. Các sản phẩm chủ lực và sản phẩm OCOP sẽ được định danh, cấp mã số vùng trồng và tích hợp mã QR để truy xuất nguồn gốc dễ dàng. Đồng thời, tỉnh sẽ hình thành rõ nét các chuỗi liên kết khép kín "từ nông trại đến bếp ăn KCN và siêu thị", thu hút sự tham gia sâu rộng của các doanh nghiệp và hợp tác xã kiểu mới nhằm đảm bảo đầu ra bền vững cho nông sản địa phương.

1.1.2. Quan điểm về phát triển kinh tế ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030

- Phát triển nông nghiệp luôn song hành trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là cơ sở và nền tảng quan trọng để phát triển bền vững kinh tế xã hội ở khu vực nông thôn, góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc phòng, phát huy bản sắc văn hoá và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Các vấn đề phát triển nông nghiệp nông thôn, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ gắn với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá tỉnh Bắc Ninh.

- Xác định giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; Xây dựng xã hội nông thôn ổn định, nâng cao chất lượng của mọi mặt trong đời sống tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp dựa trên cơ chế kinh tế thị trường, theo hướng chất lượng, hiệu quả; phát triển các ngành hàng, sản phẩm chủ lực theo chiều sâu có sức cạnh tranh cao, phù hợp với điều kiện của từng lĩnh vực, từng địa phương;

- Tăng mạnh đầu tư của Nhà nước, tạo môi trường thuận lợi cho việc thu hút và hoạt động đầu tư của các thành phần kinh tế vào phát triển nông nghiệp, nông thôn; Ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, đổi mới quy trình, thiết bị sản xuất để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sử dụng các nguồn lực xã hội, trước hết là lao động và đất đai.

- Phát triển bền vững cả về tự nhiên và xã hội. Đảm bảo vệ sinh môi trường sản xuất nông nghiệp và nông thôn; An toàn vệ sinh thực phẩm; Chủ động, giảm thiểu rủi ro do bệnh tật, thiên tai và quá trình biến đổi khí hậu gây ra.

- Tái cơ cấu là một quá trình phức tạp, khó khăn và lâu dài cần được thường xuyên đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm để điều chỉnh phù hợp với

thực tế trên cơ sở xây dựng một hệ thống giám sát, đánh giá và tham vấn thông tin phản hồi từ các chủ thể tham gia và toàn xã hội.

1.2. Mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp giai đoạn 2026-2030

1.2.1. Mục tiêu chung

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp toàn diện, an toàn, hiệu quả, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, góp phần thực hiện Đề án tái cơ cấu kinh tế tỉnh Bắc Ninh gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2026-2030. Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển nông nghiệp nông thôn, trọng tâm là phát triển nông nghiệp ứng dụng CNC gắn với phát triển du lịch sinh thái nông nghiệp, du lịch làng nghề và xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu bền vững. Đẩy mạnh phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng phát triển nông nghiệp đô thị, nông nghiệp sinh thái trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế so sánh từng vùng, địa phương và bảo vệ cảnh quan môi trường nông thôn; Giảm tỷ trọng sản xuất ngành trồng trọt, tăng tỷ trọng sản xuất ngành chăn nuôi và dịch vụ trong cơ cấu toàn ngành nông nghiệp gắn với an toàn dịch bệnh; Tạo đột phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, tăng giá trị kinh tế trên mỗi đơn vị diện tích đất canh tác, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống nông dân. Khai thác có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho phát triển và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới gắn với yêu cầu về công nghiệp hóa nông nghiệp, hiện đại hóa nông thôn.

1.2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026-2030

Theo đó, phân đầu duy trì tốc độ tăng trưởng (GRDP) bình quân lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đến năm 2030 đạt 1,5%/năm; Tổng sản phẩm GRDP (giá hiện hành) ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đến năm 2030 đạt 38.609 tỷ đồng; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại đến năm 2030 đạt 10,61%; tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định đến năm 2030 ở mức 30,65%; sản lượng lương thực có hạt đạt 842.900 tấn, tổng sản lượng thịt hơi các loại đạt 330.700 tấn, tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản đạt 105.000 tấn; sản lượng gỗ khai thác đạt 6,5 triệu m³; lũy kế đến hết năm 2030, toàn tỉnh có 1.000 sản phẩm OCOP được công nhận 3 sao trở lên.

1.2.3. Định hướng chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2026-2030

Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu sản xuất hợp lý trên cơ sở rà soát, xây dựng kế hoạch sử dụng đất; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, hình thành và thúc đẩy nông nghiệp đô thị. Tập trung phát triển sản xuất theo chuỗi, nhất là đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp tỉnh theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, ưu tiên áp dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học trong sản xuất, phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ với các vùng sản xuất chuyên canh tập trung, an toàn, ổn định và lâu dài gắn với truy xuất nguồn gốc và cấp chứng nhận chất lượng; duy trì, sử dụng hiệu quả diện tích đất nông nghiệp; Tập trung đầu tư hệ thống bảo quản, giết mổ, chế biến kết nối phân phối, tiêu thụ nông sản theo hướng hiện đại, giảm tổn thất sau thu hoạch và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm. Khai thác có hiệu quả các vùng chăn nuôi tập trung hiện có, đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trang trại ngoài khu dân cư theo hướng an toàn sinh học; Tập trung phát triển đàn vật nuôi mang lại giá trị kinh tế cao; Bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen giống vật nuôi bản địa. Mở rộng các mô hình thực hành chăn nuôi tốt, đảm bảo môi trường; Xây dựng vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, chăn nuôi theo chuỗi khép kín từ khâu sản xuất con giống, thức ăn, chăm sóc, nuôi dưỡng đến giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo hình thức tập trung, ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Mở rộng và phát triển các vùng nuôi cá thâm canh an toàn tập trung trong ao đất. Duy trì và khai thác có hiệu quả số lồng nuôi cá hiện có trên sông. Giám sát và quản lý tốt dịch bệnh, môi trường vùng nuôi thủy sản và chất lượng con giống, thức ăn, hóa chất, chế phẩm dùng trong thủy sản. Đẩy mạnh khuyến khích, hỗ trợ đầu tư áp dụng công nghệ mới, công nghệ cao vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; Đa dạng hơn nữa đối tượng nuôi đặc biệt là đối tượng thủy sản có năng suất, giá trị kinh tế cao nhằm tăng trưởng ổn định, hiệu quả, bền vững và nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm thủy sản. Rà soát, bổ sung và thực hiện tốt các cơ chế, chính sách đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn; Tăng cường chỉ đạo, đẩy nhanh quá trình tích tụ ruộng đất để sản xuất hàng hóa quy mô lớn; Thu hút các nguồn lực, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn; Đẩy mạnh hợp tác liên kết theo chuỗi giá trị. Cùng cố, nâng cấp củng cố các tuyến đê đảm bảo an toàn chống lũ thiết kế và phân đầu chống lũ cao hơn, kết hợp hệ thống đê sông với đường giao thông. Phát triển hạ tầng thủy lợi theo hướng đa mục tiêu để phục vụ nuôi trồng thủy sản, thâm canh cây trồng, cung cấp nước phục vụ dân sinh và sản xuất công nghiệp đảm bảo thích ứng với biến đổi khí

hậu. Tập trung đầu tư các công trình thủy lợi đầu mối, các dự án trọng điểm; Hỗ trợ về công nghệ, dịch vụ tư vấn về các phương pháp tưới tiết kiệm nước; Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể; Đẩy mạnh đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Củng cố và nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp theo các ngành hàng, nhóm sản phẩm chủ lực gắn với xây dựng Chương trình mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm; Hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản bền vững theo chuỗi giá trị; Xúc tiến xây dựng và quảng bá nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm nông sản giúp sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định, nâng cao thu nhập, đời sống của người dân nông thôn.

2. Đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh thời gian tới

2.1. Nhóm giải pháp về quy hoạch, đất đai

- Rà soát và điều chỉnh các quy hoạch phát triển kinh tế của tỉnh theo hướng gắn kết phát triển nông nghiệp với công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm;

- Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phải mang tính ổn định, lâu dài và phù hợp với tình hình phát triển thực tế của từng địa phương. Trong đó, quan tâm quy hoạch vùng sản xuất tập trung, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC, đưa sản xuất gia trại, trang trại chăn nuôi, thủy sản tập trung ra khỏi khu dân cư, hình thành các vùng chuyên canh hàng hóa, các vùng nguyên liệu phục vụ chế biến và định hướng xuất khẩu.

- Tiếp tục khuyến khích đẩy mạnh các hình thức tập trung, tích tụ ruộng đất quy mô lớn; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân được thuê, chuyển nhượng ruộng đất lâu dài và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để người sản xuất yên tâm đầu tư phát triển nông nghiệp.

- Duy trì, sử dụng linh hoạt diện tích trồng lúa gắn với quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa tập trung để vừa đảm bảo an ninh lương thực vừa nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập cho nông dân. Tập trung chỉ đạo khai thác và sử dụng có hiệu quả diện tích mặt nước hiện có theo hướng thâm canh, tăng vụ; Chỉ mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản ở những nơi có điều kiện và lợi thế phát triển thủy sản lâu dài, bền vững ở các xã ven sông Đuống, sông Cầu, sông Thái Bình.

2.2. Nhóm giải pháp về tổ chức sản xuất, kinh doanh

- Tiếp tục đổi mới và nhân rộng các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả, trọng tâm là tạo môi trường thuận lợi để hình thành và phát triển mạnh các loại hình doanh nghiệp nông nghiệp, nhất là các doanh nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, sử dụng nguyên liệu và thu hút nhiều lao động nông nghiệp tại chỗ, doanh nghiệp dịch vụ vật tư, tiêu thụ nông, lâm, thủy sản cho nông dân.

- Đẩy mạnh liên kết sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị; Phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, từng bước hình thành mạng lưới tiêu thụ nông sản bền vững, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt, dẫn dắt, nhất là liên kết tiêu thụ nông sản thực phẩm với các DN FDI quy mô lớn.

- Phát triển kinh tế hộ theo hướng chuyên môn hóa sản xuất nông nghiệp, sản xuất quy mô lớn, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ. Tạo điều kiện cho các hộ “dồn ô thửa nhỏ, thành ô thửa lớn”, cho thuê đất, tích tụ đất, dịch chuyển dần các hộ làm ăn không hiệu quả từ sản xuất nông nghiệp sang ngành nghề và sản xuất phi nông nghiệp.

- Khuyến khích nông dân liên kết với doanh nghiệp dưới hình thức góp vốn bằng đất đai và sức lao động, còn doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư để đẩy mạnh ứng dụng CNC (dạng công ty cổ phần), liên kết với các doanh nghiệp chế biến, thu mua hàng nông sản để cung cấp cho các doanh nghiệp trong tỉnh, nông dân được trả lương hàng tháng và cuối năm được chia cổ tức.

- Đẩy mạnh, củng cố và đổi mới hoạt động của các HTX trung bình, xử lý dứt điểm các HTX yếu kém, hình thức; Hướng dẫn các HTX nông nghiệp, trang trại xây dựng dự án sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; Tham gia các liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm nhằm ổn định sản xuất và đảm bảo đầu ra cho sản phẩm.

2.3. Nhóm giải pháp về khoa học, công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thực hiện phát triển kinh tế ngành nông nghiệp

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các thành tựu khoa học công nghệ mới tiên tiến, công nghệ chủ chốt của công nghiệp 4.0 trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản (công nghệ sinh học; công nghệ tự động hóa; công nghệ sản xuất vật tư nông nghiệp và các kỹ thuật canh tác tiên tiến như canh tác không dùng đất, công nghệ tưới tiết kiệm, công nghệ nhà lưới, nhà kính, nhà màng, VietGAP...) nhằm tăng năng suất, chất lượng, bảo

đảm an ninh lương thực, an toàn thực phẩm và thích ứng với biến đổi khí hậu, làm cơ sở xây dựng và phát triển các khu, vùng, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch....

- Tăng cường đầu tư cho công tác nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và phương thức sản xuất tiên tiến trong toàn bộ các khâu của chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp. Ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu, chọn tạo, phổ biến các giống mới, các quy trình sản xuất hiệu quả; ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ số, thông tin, viễn thông, viễn thám trong nông nghiệp nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh, giúp nâng cao giá trị sản phẩm một cách bền vững, cải thiện thu nhập, đời sống nông dân.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng đảm bảo đủ các yếu tố về cơ sở vật chất, trang thiết bị và con người để tiếp cận và chuyển tải được tiến bộ khoa học công nghệ. Nâng cao năng lực hệ thống quản lý, nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi đảm bảo đủ giống có chất lượng tốt và giá trị thương mại cao, tạo đột phá mới về năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của ngành.

- Quan tâm đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý của hệ thống cán bộ nông nghiệp trong thực thi nhiệm vụ tái cơ cấu ngành. Trong đó, cần chú trọng đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ tay nghề cho lực lượng lao động đang làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp; Học tập mô hình thành công về sản xuất nông nghiệp CNC cho đội ngũ cán bộ và người sản xuất;

- Phối hợp với các trường đại học, các viện nghiên cứu đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, quản lý cho đội ngũ cán bộ của tỉnh về phát triển nông nghiệp bền vững và có khả năng tiếp nhận kỹ thuật, CNC trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Ban hành chính sách đãi ngộ tốt nhằm thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, các kỹ sư, chuyên gia đúng chuyên ngành về làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp nói chung và trong các dự án nông nghiệp CNC nói riêng tại địa phương, trong đó ưu tiên cho lĩnh vực nghiên cứu khoa học, ứng dụng CNC trong sản xuất lai tạo, bảo tồn giống, gen quý hiếm, như gà Hồ, gà chín Cựa, ...

2.4. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả hệ thống cơ chế, chính sách của Trung ương ban hành như: Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp,

nông thôn; các nhiệm vụ và giải pháp Chính phủ giao tại Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/7/2019 về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững; Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp....

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh nâng cao chất lượng xây dựng cơ chế chính sách đặc thù của tỉnh, trong đó trọng tâm là tạo điều kiện tập trung, tích tụ ruộng đất để sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, phát huy hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, thu hút các thành phần kinh tế tham gia phát triển sản xuất, chế biến, kinh doanh nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh theo hướng an toàn, bền vững.

- Chỉ đạo hệ thống tài chính, tín dụng, nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng cho nông dân và doanh nghiệp để vốn tín dụng trở thành một trong các kênh đầu tư quan trọng cho phát triển nông nghiệp. Xây dựng cơ chế lồng ghép các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp; tạo cơ chế hấp dẫn để thu hút các thành phần kinh tế khác ngoài nhà nước, vốn ODA, FDI...; Đa dạng hóa các hình thức đầu tư có sự tham gia liên kết giữa Nhà nước và tư nhân theo hình thức PPP.

- Đổi mới cơ chế hoạt động, tăng cường năng lực cho các đơn vị sự nghiệp ngành nông nghiệp; Đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đảm bảo sự chỉ đạo nhanh nhạy, thông suốt, chủ động và hiệu quả; Đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm triệt để chi phí bất hợp lý trong tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư, kinh doanh, góp phần tạo lập môi trường công bằng, thông thoáng trong thu hút đầu tư vào sản xuất kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp.

2.5. Nhóm giải pháp về phát triển thị trường và xúc tiến thương mại

Nông sản thực phẩm của Bắc Ninh được xác định tiêu thụ thị trường nội tỉnh là chủ yếu, ngoài ra cung cấp một phần cho các tỉnh khác. Tuy nhiên, trước xu hướng hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, tình trạng cạnh tranh ngày càng gay gắt, nhất là với hàng hóa nhập khẩu. Để tháo gỡ khó khăn, kích thích sản xuất phát triển, giải pháp thị trường cần tập trung giải quyết các vấn đề sau:

- Đầu tư nâng cao năng lực dự báo thị trường, đặc biệt là dự báo trung và dài hạn về: Số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hoá mà thị trường cần; tình hình cung - cầu, giá cả của mỗi chủng loại hàng hoá. Trên cơ sở thông tin thị trường,

xây dựng quy hoạch, kế hoạch đầu tư sản xuất, lựa chọn hình thức và thời điểm tham gia thị trường hiệu quả nhất cho các sản phẩm.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, khuyến khích, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, các nhà khoa học trong và ngoài tỉnh ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm để phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản trong nước. Thực hiện tốt chương trình “Liên kết 4 nhà” để đẩy mạnh tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng. Trong đó, cần xây dựng cơ chế để ưu tiên cung cấp cho các doanh nghiệp FDI quy mô lớn trên địa bàn tỉnh .

- Xây dựng mạng lưới chợ đầu mối, chợ nông thôn nhằm tiêu thụ nông sản phẩm cho nông dân, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia. Hướng dẫn, tạo điều kiện để các HTX có thể đảm nhiệm dịch vụ đầu ra cho nông sản hàng hoá.

- Đặc biệt, cần có chính sách ưu tiên, hỗ trợ doanh nghiệp trong tỉnh đầu tư xây dựng các kho bảo quản, nhà máy sơ chế biến nông sản, thực phẩm để tạo thị trường đầu ra ổn định.

- Xây dựng thương hiệu sản phẩm từ việc áp dụng kỹ thuật sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng và được công nhận của cơ quan kiểm định, cho tới việc quảng bá cung cấp sản phẩm tới người tiêu dùng. Cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói; bắt buộc tích hợp mã QR truy xuất nguồn gốc cho 100% sản phẩm chủ lực và sản phẩm OCOP của tỉnh.

- Đưa các sản phẩm OCOP, đặc sản Bắc Ninh lên các sàn giao dịch nông sản, nền tảng số; gắn kết phát triển nông nghiệp với du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái và làng nghề văn hóa Kinh Bắc.

- Xây dựng Website và cập nhật thường xuyên cơ sở dữ liệu về danh mục các dự án kêu gọi đầu tư; Các ấn phẩm, tài liệu, cẩm nang giới thiệu sản phẩm đặc trưng của tỉnh, thông tin diễn biến thị trường... phục vụ hoạt động xúc tiến thương mại; các quy định pháp luật, chính sách ưu đãi hỗ trợ, cơ sở dữ liệu chuyên sâu về những vùng sản xuất nông, lâm, thủy sản an toàn, sản phẩm làng nghề... nhằm hỗ trợ nhà đầu tư tìm hiểu, tiếp cận thị trường, kết nối mạng lưới tiêu thụ trong nước, tập trung vào thị trường các thành phố lớn, các tỉnh lân cận và từng bước xuất khẩu.

- Tăng cường các hoạt động tìm kiếm cơ hội hợp tác, xúc tiến, thu hút đầu tư, trao đổi, học tập kinh nghiệm, nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông, lâm thủy sản ứng dụng CNC, công nghệ sạch. Xây dựng và triển khai các hoạt động hỗ trợ

kết nối sản xuất - tiêu thụ theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; Kết nối với các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, khu, cụm công nghiệp, hệ thống các trung tâm thương mại, siêu thị, hệ thống cửa hàng bán lẻ,...

- Đầu tư cho xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, đăng ký, bảo hộ, chỉ dẫn địa lý; Hỗ trợ các hoạt động quảng bá giới thiệu các sản phẩm hàng hóa nông, lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh tại các hội chợ trong nước và quốc tế. Xây dựng hệ thống các trung tâm trưng bày, quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp, nông thôn ở trong và ngoài tỉnh.

2.6. Nhóm giải pháp về công tác thông tin, tuyên truyền

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền phổ biến định hướng đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp, đặc biệt là các chương trình, kế hoạch thực hiện cụ thể, nhằm tạo sự thông suốt và đồng thuận trong các ngành, các cấp, các DN, đặc biệt là đối với nông dân; Khuyến khích sự tham gia của các tổ chức xã hội nhằm tạo sức mạnh tổng hợp để tổ chức thực hiện hiệu quả.

- Chú trọng công tác tuyên truyền, tập huấn kỹ thuật trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và phòng chống dịch bệnh giúp nông dân nắm bắt và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; Định hướng các giải pháp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi chủ lực cấp tỉnh có hình thành chuỗi liên kết giá trị trong sản xuất.

3. Một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh thời gian tới

3.1. Khuyến nghị đối với Chính Phủ

- Đề đảm bảo Luật Thú y được thực thi có hiệu quả, Chính phủ cần chỉ đạo Bộ Nội vụ hướng dẫn các địa phương kiện toàn, củng cố hệ thống thú y các cấp theo Luật Thú y. Trong đó, cho phép các địa phương có điều kiện xây dựng lực lượng “Cộng tác viên” thú y ở các thôn có đàn gia súc, gia cầm số lượng lớn.

- Sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai 2013 và trình Quốc hội thông qua, trong đó cho phép mở rộng hạn điền tối thiểu 10 ha và thời gian thuê đất kéo dài tối thiểu 20 năm để khuyến khích các loại hình DN đầu tư lâu dài vào các ngành nông nghiệp. Đồng thời, cắt giảm bớt các thủ tục hành chính theo hướng tạo thuận lợi cho việc thuê, nhận, chuyển nhượng quyền sử dụng đất... để tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư, nâng cao hiệu quả sản xuất.

3.2. Kiến nghị đối với Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- Xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, nhất là đối với ngành chăn nuôi để đảm bảo cân bằng cung cầu trong nước và xuất khẩu; Có cơ chế, chính sách để trợ giá cho nông dân khi gặp thiên tai, dịch bệnh gây thiệt hại nặng nề; Tránh tình trạng phát triển quá mức một ngành, một sản phẩm quá mức gây mất cân bằng cung cầu ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp bền vững.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các chỉ tiêu giám sát, đánh giá quá trình chuyển dịch, tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng mở cho phù hợp với từng địa phương.

- Tiếp tục tăng cường hỗ trợ địa phương trong đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, đào tạo nhân lực phục vụ nghiên cứu và chuyển giao khoa học, công nghệ.

- Hỗ trợ các tỉnh trong công tác thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ sản phẩm.

4. Kết luận

Kinh tế ngành NLTS trong bối cảnh mở cửa và hội nhập kinh tế là chủ trương lớn đã được Đảng và Nhà nước ta đặt ra từ nhiều năm nay, là một vấn đề cần thiết có ý nghĩa quan trọng to lớn cả về lý luận và thực tiễn trong quá trình phát triển kinh tế. Kinh tế ngành NLTS là một xu hướng tất yếu trong quá trình phát triển kinh tế nhằm tạo ra một cơ cấu kinh tế ngày càng hoàn thiện và hợp lý hơn trên cơ sở khai thác có hiệu quả các nguồn lực.

Trong thời gian qua, ngành NLTS tỉnh Bắc Ninh đã có những bước phát triển theo hướng tích cực và đạt được khá nhiều thành tựu, nông nghiệp theo kiểu truyền thống giảm nhanh nhường chỗ cho nông nghiệp CNC, công nghệ sạch, sinh học, theo hướng an toàn trong cơ cấu kinh tế, ngành thủy sản có tỷ trọng ngày càng tăng góp phần chuyển dịch cơ cấu toàn ngành kinh tế. Dù đạt nhiều kết quả tích cực, cơ cấu nội ngành nông nghiệp chuyển dịch vẫn còn chậm, chưa khai thác triệt để lợi thế từ thị trường tiêu thụ bùng nổ tại các khu công nghiệp và đô thị để tạo đột phá trong tăng trưởng. Sản xuất nông nghiệp ở một số địa phương còn nhỏ lẻ, tình trạng thiếu liên kết chuỗi giá trị và thiếu vắng các thương hiệu nông sản mạnh vẫn khá phổ biến. Đất nông nghiệp chủ yếu vẫn dành cho trồng lúa, trong khi các vùng sản xuất chuyên canh rau màu, hoa, cây ăn quả công nghệ cao quy mô lớn chưa được mở rộng tương xứng với tiềm năng. Bên cạnh đó, lĩnh vực chăn nuôi - đặc biệt là chăn nuôi lợn - vẫn phụ thuộc nhiều vào diễn biến dịch bệnh, biến động giá thức ăn đầu vào và giá thị

trường đầu ra. Mục tiêu giai đoạn 2026-2030, phát triển nông nghiệp, nông thôn theo chiều sâu, bền vững cùng với hệ thống chính trị của tỉnh nhà thực hiện Chương trình hành động thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số” giai đoạn 2026-2030 Theo đó, phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng (GRDP) bình quân lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đến năm 2030 đạt 1,5%/năm; Tổng sản phẩm GRDP (giá hiện hành) ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đến năm 2030 đạt 38.609 tỷ đồng, tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại đến năm 2030 đạt 10,61%.

Để đạt được các mục tiêu, cần phát huy lợi thế vùng, miền, địa phương, tổ chức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững tích hợp đa giá trị theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh. Trọng tâm là phát triển nông nghiệp theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao, gắn với nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, thúc đẩy kinh tế hợp tác giữa ngành nông nghiệp và các ngành thương mại, dịch vụ, du lịch.

Xây dựng và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, trọng tâm là các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, gắn với chế biến sâu, bảo quản, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, tạo ra giá trị cao, định hướng xuất khẩu. Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, phát triển kinh tế rừng gắn với du lịch sinh thái, bảo vệ môi trường.

Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Chung sức xây dựng nông thôn mới”; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho xây dựng nông thôn mới toàn diện, bền vững, gắn với đô thị hóa, đảm bảo thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, vì lợi ích của người dân. Trong đó, ưu tiên nguồn lực cho phát triển sản xuất, nâng cao đời sống dân cư nông thôn nhất là các xã đặc biệt khó khăn. Phát triển các khu dân cư nông thôn theo định hướng xanh, sinh thái bền vững có khả năng thích ứng cao với biến đổi khí hậu. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình mỗi xã, phường một sản phẩm (OCOP), chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao số lượng sản phẩm đạt 5 sao để khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của địa phương, nâng cao thu nhập, đời sống cho người dân nông thôn./.